TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22– 3 - 2021
Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THNH PHỐ H

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Hoàng Đắc Hân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tHnh phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tHnh phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tHnh phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 863/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn và con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST-HGNĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H; Nơi cư trú: Thôn 02, xã P, huyện T, tHnh phố H; Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V; Nơi cư trú: Thôn 02, xã P, huyện T, tHnh phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị V kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tHnh phố H vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình tại thôn 02, xã P, huyện T, tHnh phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình và làm ăn kinh tế, nên

dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau, do mâu thuẫn nên chị V đã về nH bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã A, huyện T, tHnh phố H sinh sống từ năm 2018 đến nay vợ chồng không còn quan tâm nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, nay để ổn định cuộc sống anh H quyết tâm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị V.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị V có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 09/9/2013 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 02/7/2015, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con chung sống cùng anh H và ông, bà nội. Nay ly hôn nguyện vọng của anh H là được tiếp tục nuôi cả hai con chung để các con ổn định học tập.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để anh và chị V tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án.

- Về tài sản chung: Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn sinh sống chung cùng bố mẹ nên không có tài sản chung, do vậy anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Nguyễn Thị V cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và con chung khi ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H đã chấp Hnh đúng quy định của pháp luật, bị đơn là chị Nguyễn Thị V đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H tiến Hnh xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị V. Và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị V; Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 09/9/2013 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 02/7/2015, cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng tHnh đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H trình bày để anh và chị V tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Thị V vắng mặt chưa có quan điểm trình bày về tài sản chung nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập đã đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là chị Nguyễn Thị V đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tHnh phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2013, ngày 26 tháng 7 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Anh H và chị V chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình và làm ăn kinh tế, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng nay để ổn định cuộc sống anh H quyết tâm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị V. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến Hnh tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị V vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của anh H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị V đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hằng, cho anh H được ly hôn chị V.

[3] Về con chung

Anh H và chị V có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 09/9/2013 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 02/7/2015, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con chung sống cùng anh H và ông, bà nội. Khi ly hôn nguyện vọng của anh H để hai con yên tâm học tập anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị V vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa tHnh niên. Tài liệu xác minh thể hiện từ năm 2017 cho đến nay cả hai con chung sống cùng anh H có sự giúp đỡ chăm sóc của ông, bà nội, hai con chung được nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt và phát triển khỏe mạnh bình thường, mặt khác con chung tên Nguyễn Thị Mai H hiện

nay trên 7 tuổi có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố mà ông bà nội và em để ổn định học tập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng tHnh đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H trình bày để anh và chị Nguyễn Thị V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị V chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung

Anh Nguyễn Văn H trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị V chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 09/9/2013 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 02/7/2015, cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng tHnh đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015551, ngày

20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện T tHnh phố H. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Cảnh **Hoàng Đắc Hân** **Đinh Thị Mến**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã P và UBND xã A, huyện T, TP H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng **Lê Thị Sự**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T,tHnh phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự